TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2026
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Nguyễn Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2026 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Đ**, sinh ngày 01/01/1981. (vắng mặt)

Căn cước số 094181001425

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại 0915 469 155

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01/01/1981. (vắng mặt)

Căn cước công dân số 094081011280

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) vào ngày 07/4/2003, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng bà chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay bà nhận thấy bà và ông T không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, muốn trả tự do cho nhau. Bà và ông T đã ly

thân với nhau từ năm 2013. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có một đứa con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/8/2002, cháu N hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Bà Đ không yêu cầu xem xét.

Bà Đ xin được xét xử vắng mặt vì bận công việc cá nhân.

***2/ Bị đơn ông Nguyễn Văn T*:** Ông T đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ nhưng không có ý kiến phản hồi đến Tòa án, cũng không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì thêm. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; còn bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, vào ngày 07/4/2003 bà Đ và ông T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông T, theo bà Đ nhận thấy bà Đ và ông T không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, muốn trả tự do cho nhau. Bà Đ và ông T đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Nên bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T được Tòa án thông báo yêu cầu ly hôn của bà Đ nhưng không có ý kiến phản hồi, bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa ông T và bà Đ. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà Đ và ông T đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, bà Đ và ông T đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay không còn liên lạc với nhau, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T là trầm trọng không thể khắc phục, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị Đ ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/8/2002, cháu N hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà Đ không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

[6.1] Bà Lê Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng nhưng bà Lê Thị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009980 ngày 20/05/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[6.2] Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng nhưng bà Lê Thị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009980 ngày 20/05/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Quới, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng